**TUẦN 30**

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập : Câu cảm**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Củng cố cách đặt câu cảm, từ tình huống cho sẵn, cấu tạo và tác dụng của câu cảm.

- Rèn kĩ đặt câu cảm, viết câu.

- Sắp xếp được các từ ngữ vào các nhóm thích hợp.

- Phát triển năng lực văn học:

+ Biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Lịch sự khi giao tiếp, sử dụng câu cảm phù hợp với tình huống giao tiếp.

- Phẩm chất nhân ái: Giáo dục HS tình yêu TV, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của TV qua dùng từ, đặt câu.

- Giáo dục HS tình yêu TV, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của TV qua dùng từ, đặt câu.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC :**

**-**GV : Bảng phụ ( Bài 2 + 3)

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  - Yêu cầu HS lấy ví dụ về câu cảm.  + Câu cảm là câu dùng để làm gì?  + Trong câu cảm thường có những từ ngữ nào?  + Khi viết cuối câu cảm thường có dấu gì?  - Gv nhận xét, chốt kiến thức về câu cảm.  GV chốt*:+Câu cảm là câu dùng để bộc lộ cảm xúc: vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên... của người nói.*  *+Trong câu cảm thường có những từ ngữ: ôi, chao, chà, trời, quá, lắm, thật,...*  *+ Khi viết cuối câu cảm thường có dấu chấm than(!)*  **2.Luyện tập:**  **Bài 1**: Đặt câu cảm, trong đó có :  a/ Một trong các từ : ***ôi chao, a , chà*** đứng trước .  b/Một trong các từ ***lắm ,quá, thật*** đứng cuối câu.  - Cho HS đặt câu vào vở  - Nhận xét 1 vài bài và h/d chữa bài trên bảng lớp  *🠢 GV củng cố cho HS cách đặt câu cảm.*  **Bài 2** : Treo bảng phụ  Chuyển các câu kể sau thành câu cảm  a/ Bông hồng này đẹp.  b/ Gió thổi mạnh .  c/ Cánh diều bay cao .  d/ Em bé bụ bẫm .  - Yêu cầu HS làm bài vào vở  - H/d chữa bài.  *🠢 Củng cố cho HS cách chuyển câu kể thành câu cảm ( thêm vào các từ: ôi, ôi chao, quá, lắm, ... cuối câu có dấu chấm than.*  **Bài 3:** Treo bảng phụ  Đặt câu cảm cho các tình huống sau:  a. Thán phục một ca sĩ rất hát rất hay.  b. Vui mừng vì bố đi công tác về.  c. Ngạc nhiên vì gặp lại một người bạn cũ.  - Cho HS tự làm  - Gọi HS nêu câu của mình  *🠢 Củng cố* *cách đặt câu cảm theo tình huống cho trước*  **3. Vận dụng:**  **Bài 4:** Viết đoạn văn ngắn ( 4 đến 6 câu) về một con vật mà em thích trong đó có sử dụng câu cảm.  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.  - Gọi HS đọc đoạn văn của mình  - H/d nhận xét và góp ý cho HS  + Câu cảm là câu dùng để làm gì?  + Trong câu cảm thường có những từ ngữ nào?  - GV nhận xét tiết học. | - HS nối tiếp nhau lấy ví dụ.  +Câu cảm là câu dùng để bộc lộ cảm xúc: vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên... của người nói.  +Trong câu cảm thường có những từ ngữ: ôi, chao, chà, trời, quá, lắm, thật,...  + Khi viết cuối câu cảm thường có dấu chấm than(!)  - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS làm bài vào vở, 1 số HS lên bảng đặt câu.  - HS nhận xét, chữa bài trên bảng  *VD:*  *a)+ Ôi chao! bạn có cái áo đẹp thế!*  *+A! bông hoa đẹp quá!*  *+Chà! con mèo này có bộ lông đẹp thật !*  *b) +Bông hoa này đẹp thật !*  *+Bạn Nga học giỏi thật !*  *+Cái áo này đẹp lắm!*  -HS đọc yêu cầu, làm bài vào vở.  - 1HS lên bảng thực hiện chuyển câu kể thành câu cảm.  - 1 số em đọc câu mình chuyển.  Trao đổi chia sẻ theo cặp.  - HS khác nhận xét, đánh giá.  *VD:*  *a/Ôi! Bông hồng này đẹp quá !*  *b/ Trời ơi! Gió thổi mạnh quá !*  *c/Cánh diều bay cao quá!*  *d/ Em bé bụ bẫm thật !*  -HS đọc yêu cầu.  - HS làm trong vở, 1 số em đọc câu mình đặt  *VD: a. + C« Êy h¸t míi tuyÖt vêi lµm sao!*  *+ Trêi, c« Êy h¸t thËt tuyÖt vêi!*  *+ ¤i chao, c« ấy h¸t hay qu¸!*  *b. + A! Bè vÒ!*  *+ ¤i, bè vÒ råi, con nhí bè qu¸!*  *c. Khác quá đi! Mình không nhận ra cậu đó.*  -HS đọc yêu cầu.  - HS làm bài cá nhân vào vở.  -1 vài em đọc bài viết, nêu câu cảm mình dùng.  - HS nhận xét.  - 2 HS trả lời. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………………..\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập: Câu khiến**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Củng cố cách đặt câu khiến từ câu kể, từ tình huống cho sẵn, cấu tạo và tác dụng của câu khiến.

- Rèn kĩ đặt câu khiến, viết câu.

- Sắp xếp được các từ ngữ vào các nhóm thích hợp.

- Phát triển năng lực văn học:

+ Biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Lịch sự khi giao tiếp, sử dụng câu khiến phù hợp với tình huống giao tiếp.

- Phẩm chất nhân ái: Giáo dục HS tình yêu TV, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của TV qua dùng từ, đặt câu.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY -HỌC**

- Bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  GV cho HS trao đổi cặp đôi  - Thế nào là câu khiến?  - Đặt câu khiến trong cặp cho nhau nghe.  - GV chốt lại kiến thức về câu khiến:  *+Những câu dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, nhờ vả,…người khác làm một việc gì đó gọi là câu khiến.*  *+ Cuối câu khiến có dấu chấm than (!)*  **2.Luyện tập**  **Bài 1**: GV treo bảng phụ  Đọc đoạn văn sau rồi ghi lại các câu khiến trong mỗi đoạn:  a, Nhẫn cặp chiếc hèo vào nách, bắc loa tay lên miệng, rướn cao người, hô vang động cả núi rừng:  - Đứng lại ! gặm cỏ …gặm.  b, Bà ngừng nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng nhìn cháu, âu yếm và mến thương.  - Đi vào trong nhà kẻo nắng cháu!  **-** GV nhận xét, chữa bài.  - Tuyên dương HS làm bài đúng.  - Thế nào là câu khiến? Cuối câu khiến thường có dấu câu gì?  GV chốt:  *+Những câu dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, nhờ vả,…người khác làm một việc gì đó gọi là câu khiến.*  *+ Cuối câu khiến có dấu chấm than (!), hoặc dấu chấm(.)*  **Bài 2:** Viết câu khiến phù hợp với tình huống sau:  a. Muốn bạn cho mượn bút .  b. Đề nghị cô giáo cho ra ngoài.  c.Hỏi đường người lớn.  - HS đọc yêu cầu.  - GV cho HS làm bài vào vở.  - GV cho HS chữa bài,HS dưới lớp trao đổi cách làm theo cặp đôi.  - GV nhận xét bài.  *=> Củng cố cách viết câu khiến từ câu kể, có dùng các từ nêu yêu cầu, đề nghị.*  **Bài 3:** Thêm các từ cầu khiến để biến các câu kể sau đây thành câu khiến.  a) Nam về.  b) Thành đi đá bóng.  c)Nga học bài.  *=> Củng cố cách viết câu khiến bằng cách thêm từ yêu cầu, đề nghị.*  **3.Vận dụng**  - Thế nào là câu khiến?  Nói 1 đến 2 câu khiến với bạn.  - GV nhận xét giờ học. | - Một vài HS nêu trước lớp, HS khác nhận xét, đánh giá.  - HS thực hiện. Nhận xét câu của bạn. Nghe nhận xét câu của mình.  - HS đọc đề.  - HS làm vở - trình bày miệng.  - HS khác nhận xét – sửa sai.  Đáp án:  - Đứng lại ! gặm cỏ …gặm.  - Đi vào trong nhà kẻo nắng cháu!  - HS nêu.  - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS nhắc lại.  - HS đọc yêu cầu của bài.  - HS làm bài vào vở.  - 1 HS lên bảng làm.HS dưới lớp trao đổi cách làm theo cặp đôi.  a, Ngân ơi, cho mình mượn cái bút với!  b, Thưa cô, em xin phép ra ngoài ạ!  c. Cô ơi, cô chỉ giúp cháu nhà bạn Hà ở đâu ạ!  - Lớp nhận xét.  - HS nêu yêu cầu.  - HS làm việc theo cặp.VD:  a) Nam về đi!  b) Thành hãy đi đá bóng đi!  c)Nga học bài đi!  - 1HS nêu lại.  *Những câu dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, nhờ vả,…người khác làm một việc gì đó gọi là câu khiến*.  - HS nói câu khiến theo cặp đôi. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập: Kể về việc tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Viết được đoạn văn về việc giữ sạch nguồn nước hoặc tiết kiệm nước.

- Biết sử dụng dấu câu phù hợp.

**2. Năng lực chung.**

Biết vận dụng những điều đã học để viết được một đoạn văn.

Biết nhận xét, trao đổi về cách viết chính tả của bạn. biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

**3. Phẩm chất.**

Thể hiện hiểu biết và ý thức bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:**

- Bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  - Kể cho nhau nghe ích lợi của nước?  - GV nhận xét, nêu ích lợi của nước  - Nêu nhận định của em về nguồn nước ở địa phương em?  *GV liên hệ: nguồn nước ở địa phương đang bị ô nhiễm nặng do rất nhiều nguyên nhân do nước thải các khu công nghiệp, nhà vệ sinh, công trình tự hoại, khu chăn nuôi…* | - HS nói cho nhau nghe theo cặp đôi.  - Đại diện 1 số cặp trình bày trước lớp.  - HS nêu. |
| **2. Luyện tập:** | |
| **Bài 1**:Trả lời các câu hỏi sau:  - Hằng ngày, em dùng nước làm gì?  - Vì sao phải giữ sạch nguồn nước?  - Em cần làm gì để giữ sạch nguồn nước?  GV cho HS hỏi đáp theo cặp  - GV mời các nhóm trình bày.  - GV mời các nhóm khác nhận xét, trao đổi.  - GV nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét.  *Chốt: Nước rất quan trong trong đời sống con người, nước dùng trong sản xuất, trong nông nghiệp, trong công nghiệp..Nước đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với đời sống và sức khỏe của con người.N ước là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Chính vì điều đó, việc bảo vệ nguồn nước là yêu cầu cấp thiết đối với mỗi chúng ta.* | - HS thảo luận theo cặp đôi các câu hỏi.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, trao đổi.  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe. |
| **Bài 2:**Ở địa phương em một vài nơi vẫn bị ô nhiễm môi trường, em hãy viết một đoạn văn để nêu lên hiện trạng, lí do và đưa ra giải pháp.  *Gợi ý:*  *1. Em nêu ra một hiện trạng như ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí hoặc còn rác thải bừa bãi…*  *2. Lí do của ô nhiễm đó là gì? Do con người/ công ty/ xí nghiệp nào đã gây ra ô nhiễm.*  *3. Theo em giải pháp là gì: Cùng nhau làm sạch, tuyên truyền….*  - GV mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.  - GV mời HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV thu một số bài để nhận xét và nhận xét cùng cả lớp.  *GV mở rộng:* ***Thực trạng ô nhiễm môi trường nước ở nước ta****đã kéo theo những hệ lụy khủng khiếp cho con người. Cứ mỗi năm các tổ chức quốc tế vẫn tiếp tục đưa ra những con số rất đáng lo ngại về tình trạng ô nhiễm môi trường nước ở nước ta: Khoảng****9.000****người tử vong mỗi năm do nguồn nước bẩn. Khoảng****20.000****người phát hiện bị ung thư nguyên nhân chính là do ô nhiễm nguồn nước* | - HS nêu yêu cầu của bài.  - 1HS xác định yêu cầu.  - HS viết bài vào vở li theo sự hiểu biết của mình  - 1-3 HS đọc bài viết của mình trước lớp  - Các HS khác nhận xét  - HS nộp vở để GV nhận xét bài. |
| **3. Vận dụng.** | |
| -Nói 1-2 câu về ích lợi của nước sạch, cách bảo vệ nguồn nước.  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học. | - HS nói cho nhau nghe theo cặp đôi.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_